

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2022/DS-PT
Ngày: 10 – 5 – 2022
V/v tranh chấp thực hiện nghĩa vụ
tài sản do người chết để lại

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Lệ Kiều

Các Thẩm phán: Bà Châu Minh Nguyệt
Ông Lê Thanh Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Đào – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Trịnh Út Mười - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 99/2021/TLPT-DS ngày 25 tháng 10 năm 2021, về việc tranh chấp thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 52/2021/DS-ST ngày 09 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 107/2021/QĐ-PT ngày 15 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1965

Địa chỉ: Ấp 9, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của bà L: Chị Lê Ngọc N, sinh năm 1981. Địa chỉ: Số 185, đường H, phường 3, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu. (Có mặt).

Đồng bị đơn:

1. Ông Trần Văn X và bà Quách Thị U (Vắng mặt)

2. Anh Trần Nhật Q, sinh năm 1990 (Vắng mặt)

3. Anh Trần Minh Q, sinh năm 1999 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp 9, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Trần Thanh T, sinh năm 1962; HKTT: Ấp 9, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. Chỗ ở hiện nay: khóm 5, phường 1, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu. (Vắng mặt)

2. Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1960 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 9, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

- Do có kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu và kháng cáo của bà Nguyễn Thị L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa đại diện ủy quyền của nguyên đơn chị Lê Ngọc N trình bày: Vào ngày 02/10/2017, bà Trần Thị S có thỏa thuận cõ đất cho bà Nguyễn Thị L phần đất diện tích khoảng 30 công tằm cầy do bà S đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tọa lạc ấp 9, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu với giá 560.000.000 đồng. Việc cõ đất hai bên có lập giấy cõ đất ngày 02/10/2017 tại nhà bà S, thỏa thuận thời hạn cõ đất là 12 tháng (tính từ ngày 02/10/2017 đến ngày 02/10/2018), đến hạn bà S có trách nhiệm trả cho bà L số tiền 560.000.000 đồng, nếu bà S không có tiền trả thì bà S giao đất cho bà L canh tác. Bà L đã giao cho bà S nhận đủ số tiền 560.000.000 đồng tại nhà bà S sau khi hai bên lập xong giấy cõ đất. Khi hai bên thỏa thuận cõ đất thì có anh Út N, anh Trần Nhật Q (con bà S) và anh Nguyễn Văn P (con bà L) chứng kiến. Sau đó bà S chết, bà L chờ đến hết thời hạn 01 năm theo thỏa thuận mới yêu cầu anh Nhật Q và anh Minh Q giao đất thì anh Nhật Q và anh Minh Q hứa trả tiền cho bà S nhiều lần nhưng không trả và cũng không giao đất.

Nay bà L yêu cầu những người thừa kế của bà Trần Thị S là ông Trần Văn X, bà Quách Thị U, anh Trần Nhật Q và anh Trần Minh Q thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại giao trả số tiền 560.000.000 đồng lại cho bà Nguyễn Thị L và yêu cầu trả lãi từ ngày 03/10/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất 15%/năm. Ngoài ra bà L không có yêu cầu gì khác.

Bị đơn ông Trần Văn X, bà Quách Thị U, anh Trần Nhật Q và anh Trần Minh Q đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên Tòa án không lấy được lời khai.

Từ nội dung nêu trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 52/2021/DS-ST ngày 09 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu đã tuyên xử:

Căn cứ vào các Điều 26, Điều 35, Điều 39, 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 123, 131, 288, 357, 468, 615 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 167 của Luật đất đai năm 2013; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L đối với anh Trần Nhật Q, anh Trần Minh Q, ông Trần Văn X và bà Quách Thị U.

1.1. Tuyên bố giao dịch cầm cố quyền sử dụng đất giữa bà Nguyễn Thị L với bà Trần Thị S xác lập ngày 02/10/2017 là vô hiệu.

1.2. Buộc anh Trần Nhật Q, anh Trần Minh Q, ông Trần Văn X và bà Quách Thị U cùng có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ trả nợ do bà Trần Thị S chết để lại, với số tiền 560.000.000 đồng (Năm trăm sáu mươi triệu đồng) cho bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn M, trong phạm vi di sản do bà Trần Thị S để lại là phần diện tích 28.936,9m² thửa đất số 257, tờ bản đồ số 9, tọa lạc ấp 9, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu do bà Trần Thị S đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 891747 được Ủy ban nhân dân huyện P cấp ngày 18/8/2016.

2. Buộc ông Trần Thanh T có nghĩa vụ giao lại di sản do bà Trần Thị S để lại là phần đất diện tích 28.936,9m² thửa đất số 257, tờ bản đồ số 09 tọa lạc ấp 9, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu cho anh Trần Nhật Q, Trần Minh Q, ông Trần Văn X và bà Quách Thị U để thực hiện nghĩa vụ trả nợ do bà Trần Thị S chết để lại. Phần đất có vị trí và số đo như sau:

Hướng Đông giáp đất bà Trần Thị S đất do ông Trần Thanh T đang sử dụng (do Trần Minh Q đứng tên), đất bà Trần Thị B có cạnh dài 13,74m + 18m + 56,94m;

Hướng Tây giáp đất ông Lê Văn K và thửa số 268 có cạnh dài 69,13m + 15,67m + 4,33m;

Hướng Nam giáp đất ông Trần Thanh T đang sử dụng (do Trần Minh Q đứng tên, không có bờ ngăn cách), đất ông Trần Hoàng Q và đường nước có cạnh dài 575,88m + 223,69m + 6,95m;

Hướng Bắc giáp đất anh Võ Văn H có cạnh dài 831,72m.

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L yêu cầu anh Trần Nhật Q, anh Trần Minh Q, ông Trần Văn X và bà Quách Thị U phải trả tiền lãi trên số tiền 560.000.000 đồng tính từ ngày 03/10/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm với lãi suất 15%/năm.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 08/10/2021, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu kháng nghị yêu cầu hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 52/2021/DS-ST ngày 09 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu do Tòa cấp sơ thẩm chưa thu thập tài liệu, chứng cứ để chứng minh khi bà S và ông T ly hôn có phân chia tài sản là phần đất tranh chấp không, chưa thu thập tài liệu để chứng minh phần đất tranh chấp là tài sản riêng của bà S mà buộc cha mẹ và các con bà S thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho bà L là chưa có căn cứ. Tòa cấp sơ thẩm buộc ông T giao đất cho ông Trần

Văn X và bà Quách Thị U, anh Trần Nhật Q và Trần Minh Q là vượt quá phạm vi khởi kiện và nội dung tranh chấp trong vụ án. Ngoài ra, Tòa chưa thu thập tài liệu để chứng minh anh Trần Nhật Q và Trần Minh Q còn sống hay đã chết nhưng lại tuyên buộc phải thực hiện nghĩa vụ cho bà S là chưa đảm bảo. Đồng thời Tòa không thu thập tài liệu chứng cứ xác định hợp đồng tín dụng giữa bà S và Ngân hàng nông nghiệp chi nhánh huyện P đã được giải quyết chưa. Về kết quả giám định chữ ký của bà Trần Thị S trên giấy cổ đất với bà L cũng chưa đảm bảo. Bản án không xác định anh Trần Nhật Q, anh Trần Minh Q, ông Trần Văn X và bà Quách Thị U mỗi người phải thanh toán số tiền cụ thể bao nhiêu cũng như phải chịu chi phí tố tụng và án phí cụ thể bao nhiêu là chưa đảm bảo công tác thi hành án. Đối với yêu cầu tiền lãi của bà Nguyễn Thị L không được Tòa án chấp nhận nhưng không buộc bà L chịu án phí là chưa đúng theo Nghị quyết số 326/2016/NQ-HĐTP ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc hội.

Ngày 27 tháng 9 năm 2021 (nộp đơn kháng cáo sửa đổi, bổ sung ngày 06/12/2021), bà Nguyễn Thị L kháng cáo yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận yêu cầu về lãi suất.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu, hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm số: 52/2021/DS-ST ngày 09 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến tranh luận của các đương sự và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đồng bị đơn ông Trần Văn X, bà Quách Thị U, anh Trần Nhật Q, anh Trần Minh Q và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Thanh T, ông Nguyễn Văn M đã được triệu tập hợp lệ lần hai nhưng vắng mặt không rõ lý do, căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt đồng bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nêu trên.

[2] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Theo nguyên đơn bà Nguyễn Thị L xác định vào ngày 02/10/2017 bà S có thỏa thuận có 30 công tằm cấy cho bà Láng với giá 560.000.000 đồng, bà L đã giao đủ tiền cổ đất cho bà S nhận, đồng thời bà L và bà S cùng ký vào giấy cổ đất đề ngày 02/10/2017. Theo kết luận giám định số 62/GĐ-2021 ngày 01/6/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bạc Liêu kết luận chữ “S” dưới mục “Bên cổ đất” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký “S” trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M4 do cùng một người ký ra; Chữ “Trần Thị S” dưới mục “Bên cổ đất” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ viết “Trần Thị S” dưới mục “Đơn vị trả tiền”, “CHỦ HỘ HOẶC NGƯỜI ĐẠI DIỆN”, “ĐẠI DIỆN BÊN B” trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1, M2, M3 do cùng một người viết ra. Tại phiên tòa, kiểm sát viên đã có ý kiến thay đổi kháng nghị đối với nội dung này, do đó có căn cứ xác định giữa bà Nguyễn Thị L và bà Trần Thị S có giao dịch cầm cố quyền sử dụng đất xảy ra trên thực tế.

[2.2]. Xét thấy, giao dịch cổ đất giữa bà S và bà L không phù hợp quy định pháp luật, Tòa cấp sơ thẩm tuyên bố giao dịch cầm cố quyền sử dụng đất giữa bà L và bà S vô hiệu, buộc các bên hoàn trả cho nhau những gì đã nhận là có căn cứ. Phần đất bà L nhận cầm cố hiện do ông Trần Thanh T đang trực tiếp quản lý, sử dụng. Bà L yêu cầu người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà S trả lại số tiền cổ đất 560.000.000 đồng trong phạm vi di sản do bà S để lại là phần đất trước đây bà S đã có cho bà L. Theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 01/2006/QĐTTLH ngày 03 tháng 01 năm 2006 và Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 02/2006/QĐHGT ngày 20 tháng 02 năm 2006, Tòa án đã giải quyết về quan hệ hôn nhân, con chung, về tài sản chung ông Trần Thanh T và bà Trần Thị S tự thỏa thuận. Đến ngày 18/8/2016, Ủy ban nhân dân huyện P cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng phần đất trên cho cá nhân bà S, sau khi cấp đất đến khi bà S có đất cho bà L và khi bà S chết thì ông T không khiếu nại. Căn cứ tài liệu trong hồ sơ vụ án thì người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Trần Thị S gồm ông Trần Văn X, bà Quách Thị U và 02 người con gồm anh Trần Nhật Q và anh Trần Minh Q. Theo biên bản xác minh ngày 15/02/2022 và ngày 01/3/2022, thì anh Trần Nhật Q và anh Trần Minh Q vẫn còn đăng ký hộ khẩu và sinh sống tại ấp 9, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. Do đó, Tòa cấp sơ thẩm buộc ông T giao trả đất cho ông Trần Văn X, bà Quách Thị U, anh Trần Nhật Q, anh Trần Minh Q để thực hiện nghĩa vụ cho bà L là có căn cứ. Bởi lẽ, ông T là người quản lý đất nên buộc ông T giao trả phần đất diện tích 28.936,9m² cho ông Trần Văn X, bà Quách Thị U, anh Trần Nhật Q, anh Trần Minh Q thực hiện nghĩa vụ cho bà L là có căn cứ.

[2.3]. Theo biên bản xác minh ngày 01/3/2022, ông Phan Vũ P là trưởng phòng kế hoạch – kinh doanh của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện P xác định bà Trần Thị S có thể chấp giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất số CD 891747 diện tích 28.936,8m² thửa 257, tờ bản đồ số 9 để vay tiền Ngân hàng. Ngày 30/6/2018, gia đình bà S đã trả dứt nợ vay. Theo lời khai của ông Trần Văn X là cha của bà S xác định ông T là người thanh toán nợ Ngân hàng. Tuy nhiên căn cứ vào biên lai thu tiền của Ngân hàng thì tại mục khách hàng chỉ có dấu vân tay, không thể hiện họ tên của người trả tiền. Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm đã đưa ông T tham gia tố tụng và nhiều lần triệu tập ông T để ông T bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, nếu như ông T có thanh toán số nợ của bà S chết để lại thì ông T có quyền yêu cầu đối với quyền lợi của ông. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án, ông T không hợp tác. Do đó, hiện tại chưa có căn cứ xác định ông T là người thanh toán nợ cho Ngân hàng. Nếu sau này ông T là người thanh toán nợ Ngân hàng thì có quyền yêu cầu ở vụ án khác. Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì Ngân hàng xác định đã làm thủ tục trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng cho anh Trần Nhật Q là con của bà S nhận.

[2.4]. Xét kháng nghị của Viện kiểm sát về việc bản án không phân định trách nhiệm trả nợ, chi phí tố tụng và án phí phải chịu của anh Trần Nhật Q, anh Trần Minh Q, ông Trần Văn X và bà Quách Thị U là chưa đảm bảo công tác thi hành án. Xét thấy, trong vụ án này ông Trần Văn X, bà Quách Thị U, anh Trần Minh Q, anh Trần Nhật Q cùng có trách nhiệm chung trong phạm vi di sản do bà S để lại là phần đất diện tích 28.936,9m² thửa đất số 257, tờ bản đồ số 9 tọa lạc ấp 9, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu, nên không cần xác định trách nhiệm cụ thể mỗi người phải thanh toán cũng như chi phí tố tụng và án phí mà mỗi người phải chịu là bao nhiêu.

[2.5]. Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị L yêu cầu tính lãi 15%/năm trên số tiền 560.000.000 đồng. Xét thấy, giao dịch cầm cố quyền sử dụng đất giữa bà Nguyễn Thị L và bà Trần Thị S chưa được pháp luật công nhận nên giao dịch cầm cố đất giữa các bên đã vô hiệu ngay từ khi xác lập nên không phát sinh quyền, nghĩa vụ từ giao dịch này. Giao dịch vô hiệu các bên nhận lại tài sản đã giao, vì vậy buộc hàng thừa kế của bà S trả lại số tiền 560.000.000 đồng, chưa có căn cứ để buộc những người này phải trả lãi cho bà L. Do đó, kháng cáo của bà L về yêu cầu lãi suất là không có căn cứ chấp nhận.

Đối với kháng nghị của Viện kiểm sát về việc buộc bà L phải chịu án phí đối với yêu cầu lãi suất không được chấp nhận. Theo quy định tại khoản 1 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 “*Đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu của họ không được Tòa án chấp nhận, trừ trường hợp được miễn hoặc không phải chịu án phí sơ thẩm*”. Tại đơn khởi kiện bà L yêu cầu tính lãi với số tiền 49.000.000 đồng, do đó, Tòa cấp sơ thẩm không buộc bà L chịu án phí là chưa phù hợp. Vì vậy, có căn cứ chấp nhận kháng nghị của

Viện kiểm sát, buộc bà L phải chịu án phí 5% trên số tiền 49.000.000 đồng là 2.450.000 đồng.

[3] Từ những phân tích nêu trên, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, có căn cứ chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát về án phí nguyên đơn phải chịu do yêu cầu về lãi suất không được chấp nhận, căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa một phần Bản án sơ thẩm số 52/2021/DS-ST ngày 09 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu. Sửa một phần Bản án sơ thẩm số 52/2021/DS-ST ngày 09 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Căn cứ vào các Điều 26, Điều 35, Điều 39, 147, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 123, 131, 288, 357, 468, 615 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 167 của Luật đất đai năm 2013; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L đối với anh Trần Nhật Q, anh Trần Minh Q, ông Trần Văn X và bà Quách Thị U.

1.1. Tuyên bố giao dịch cầm cố quyền sử dụng đất giữa bà Nguyễn Thị L với bà Trần Thị S xác lập ngày 02/10/2017 là vô hiệu.

1.2. Buộc anh Trần Nhật Q, anh Trần Minh Q, ông Trần Văn X và bà Quách Thị U cùng có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ trả nợ do bà Trần Thị S chết để lại, với số tiền 560.000.000 đồng (Năm trăm sáu mươi triệu đồng) cho bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn M, trong phạm vi di sản do bà Trần Thị S để lại là phần diện tích 28.936,9m² thửa đất số 257, tờ bản đồ số 9, tọa lạc ấp 9, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu do bà Trần Thị S đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 891747 được Ủy ban nhân dân huyện P cấp ngày 18/8/2016.

2. Buộc ông Trần Thanh T có nghĩa vụ giao lại di sản do bà Trần Thị S để lại là phần đất diện tích 28936,9m² thửa đất số 257, tờ bản đồ số 09 tọa lạc ấp 9, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu cho anh Trần Nhật Q, Trần Minh Q, ông Trần Văn X và bà Quách Thị U để thực hiện nghĩa vụ trả nợ do bà Trần Thị S chết để lại. Phần đất có vị trí và số đo như sau:

Hướng Đông giáp đất bà Trần Thị S đất do ông Trần Thanh T đang sử dụng (do Trần Minh Q đứng tên), đất bà Trần Thị B có cạnh dài 13,74m + 18m + 56,94m;

Hướng Tây giáp đất ông Lê Văn Khéo và thửa số 268 có cạnh dài 69,13m + 15,67m + 4,33m;

Hướng Nam giáp đất ông Trần Thanh T đang sử dụng (do Trần Minh Quang đứng tên, không có bờ ngăn cách), đất ông Trần Hoàng Q và đường nước có cạnh dài 575,88m + 223,69m + 6,95m;

Hướng Bắc giáp đất anh Võ Văn H có cạnh dài 831,72m.

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L yêu cầu anh Trần Nhật Q, anh Trần Minh Q, ông Trần Văn X và bà Quách Thị U phải trả tiền lãi trên số tiền 560.000.000 đồng tính từ ngày 03/10/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm với lãi suất 15%/năm.

4. Về chi phí tố tụng: Ông Trần Văn X, bà Quách Thị U, anh Trần Minh Q, anh Trần Nhật Q cùng có trách nhiệm chịu số tiền 9.283.200 đồng. Bà Nguyễn Thị L đã dự nộp số tiền 8.000.000 đồng tại Phiếu thu số 03/2021/TB-TĐ ngày 14/01/2021 và số tiền 4.000.000 đồng tại Phiếu thu số 87/2021/TB-TĐ ngày 19/5/2021, đã chi số tiền 9.283.200 đồng, bà L đã được nhận lại số tiền 2.716.800 đồng tại Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu. Buộc anh Trần Nhật Q, anh Trần Minh Q, ông Trần Văn X, bà Quách Thị U cùng có trách nhiệm trả lại cho bà Nguyễn Thị L số tiền 9.283.200 đồng trong phạm vi di sản của bà Trần Thị S để lại.

5. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm: Anh Trần Nhật Q, anh Trần Minh Q, ông Trần Văn X và bà Quách Thị U cùng có trách nhiệm nộp án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng trong phạm vi di sản của bà Trần Thị S để lại. Bà Nguyễn Thị L phải chịu 2.450.000 đồng, bà Nguyễn Thị L đã nộp tạm ứng án phí số tiền 14.180.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0014132 ngày 13/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P được chuyển thu, bà Nguyễn Thị L được hoàn lại số tiền 11.730.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P.

Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng. Bà Nguyễn Thị L đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004910 ngày 06/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P được chuyển thu.

6. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của

số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND huyện P;
- CCTHADS huyện P;
- Dương sự;
- Lưu, Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Lệ Kiều